

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2019/BAPT-KDTM

Ngày: 22-03-2019

V/v tranh chấp về hợp đồng tín dụng và
hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chăm Văn Thanh

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Trung Thành

Ông Lò Văn Điệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thu Phương, Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Đức - Kiểm sát viên.

Trong các ngày, 23 tháng 01 năm 2019 và ngày 22 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Sơn La đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 05/2018/TLPT-KDTM ngày 24 tháng 10 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2018/KDTM-ST ngày 21 tháng 9 năm 2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số : 05/2018/QĐPT-KDTM ngày 09 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần A; đại diện theo ủy quyền: Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh Sơn La – Ông Nguyễn Thế D, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng A – Chi nhánh Sơn La.

Đại theo ủy quyền lại: Bà Nguyễn Thị Y, chức vụ: Trưởng phòng Quản lý rủi ro Ngân hàng A – Chi nhánh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H; địa chỉ: Số 109, đường Tô Hiệu, tổ 7, phường CHg Lê, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thu H: Bà Lưu Thị N, ông Nguyễn Văn N – Luật sư thuộc Công ty Luật TNHH TNT thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội. Có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Ngô Anh Q; địa chỉ: Số 109, đường T, tổ 7, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Ông Hà Văn H, bà Hà Thị S; đều trú tại: Số nhà 59, đường Lê Lợi, tổ 15, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chongười có quyền, nghĩa vụ liên quan: Ông Hà Văn H và bà Hà Thị S: Ông Chăm Hải D, ông Đinh Công L – là Luật sư thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Sơn La.

- Phòng Công chứng G, tỉnh Sơn La. Đại diện theo pháp luật: Bà Bé Thu H – chức vụ: Trưởng phòng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Lò Văn N; địa chỉ: Công chứng viên Phòng Công chứng số 1, tỉnh Sơn La. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Ông Hoàng VA; địa chỉ: Số 40, đường Lý Tự Trọng, tổ 15, phường Q, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Công ty TMCP A, Chi nhánh Sơn La và Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H.

NỘI DNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, Bản tự khai, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng A – Chi nhánh Sơn La (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị Thu H ký Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2011/HĐ ngày 06/9/2011 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2012/HĐ ngày 10/10/2012 với hạn mức vay là 2.000.0000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Việc sử dụng tiền vay từng lần do khách hàng đề nghị. Ngân hàng trên cơ sở hồ sơ đề nghị giải ngân của khách hàng, thực hiện thẩm định, xem xét, giải ngân theo quy định.

Ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Thu H 03 lần; cụ thể:

Lần 1: Ngày 13/8/2012 với số tiền 900.000.000 đồng;

Lần 2: Ngày 17/12/2012 với số tiền 220.000.000 đồng (trong đó bà H trả nợ gốc là 120.000.000 đồng, hiện dư nợ gốc chỉ còn 100.000.000 đồng);

Lần 3: Ngày 21/01/2013 với số tiền 1.000.000.000 đồng.

Ngân hàng đã nhiều lần gửi thông báo về nợ đến hạn và quá hạn đối với bà Nguyễn Thị Thu H, nhưng đến nay bà H vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi với Ngân hàng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho các hợp đồng tín dụng nêu trên, bà H đã thế chấp tại Ngân hàng các tài sản sau:

1. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 109, đường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La thể hiện trong GCNQSDĐ số AA302269 do UBND thị xã Sơn La cấp ngày 31/12/2014 mang tên bà Nguyễn Thị Thu H với trị giá tài sản là 1.400.000.000 đồng (Hợp đồng thế chấp số 50/2010/HĐ ngày 04/6/2010 và Phụ lục số 01/2012/HĐ ngày 31/7/2012).

2. Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 69, đường Lê Lợi, tổ 15, phường Quyết Thắng, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La thể hiện trong GCNQSDĐ số C572320 do UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 11/01/1995 mang tên

Hà Văn H với giá trị tài sản bảo đảm là 1.000.000.000 đồng (Hợp đồng thế chấp số 01/2011/HĐ ngày 05/9/2011 và Phụ lục số 02/2012/HĐ ngày 31/7/2012).

Các hợp đồng thế chấp, bảo lãnh nêu trên đã được công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh Sơn La và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Sơn La (nay là Chi nhánh VPĐKD thành phố Sơn La).

Do bà H không thực hiện đúng các hợp đồng nêu trên nên Ngân hàng khởi kiện, yêu cầu bà H pH trả cho Ngân hàng số tiền gốc là 2.000.000.000 đồng và số tiền lãi tính đến hết ngày 17/9/2018 là 2.266.988.611 đồng.

Nếu bà H không thực hiện nghĩa vụ trả các khoản tiền vay nêu trên, Ngân hàng sẽ phát mại các tài sản thế chấp, bảo lãnh để thu hồi nợ.

Nếu sau khi xử lý tài sản bảo đảm không đủ để trả nợ, Ngân hàng yêu cầu bà H và bên bảo lãnh dùng toàn bộ tài sản thuộc quyền sở hữu của mình và toàn bộ nguồn doanh thu từ hoạt động kinh doanh để trả nợ cho Ngân hàng.

** Theo Bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Bị đơn trình bày:*

Bà H là đại diện hộ kinh doanh tư nhân có Giấy phép đăng ký kinh doanh sản xuất về biển quảng cáo. Từ năm 2006, bà H đã thực hiện vay tiền tại Ngân hàng để có vốn kinh doanh, nhưng không lần nào vay số tiền vượt quá 1.000.000.000 đồng.

Để vay tiền tại Ngân hàng, bà H đã thế chất quyền sử dụng nhà và đất tại Tô 7, phường Tô Hiệu, thành phố Sơn La thể hiện trong GCQNSĐĐ số AA302269 do UBND thị xã Sơn La cấp ngày 31/12/2014 mang tên bà Nguyễn Thị Thu H.

Quá trình vay tiền tại Ngân hàng, bà H luôn trả tiền đúng hạn, đầy đủ các gốc cả lãi, thanh lý hợp đồng cũ rồi mới ký hợp đồng mới, giữa hai bên chưa bao giờ xảy ra tranh chấp.

Vào khoảng đầu năm 2011, vợ chồng ông H, bà S có nhu cầu vay số tiền lớn tại Ngân hàng nhưng không đủ điều kiện để vay. Cán bộ Ngân hàng là ông Hoàng VA đã nhờ bà H cho bà S vay ké vào Hợp đồng tín dụng của bà H. Bà S hứa sẽ trực tiếp thanh toán lãi và gốc với Ngân hàng đầy đủ. Do tin tưởng cán bộ Ngân hàng và bà S, đồng thời, bà S cũng đã thế chấp tài sản bảo đảm của gia đình là GCNQSDĐ số C572320 do UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 11/01/1995 mang tên Hà Văn H tại Ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay 1.000.000.000 đồng của bà S, nên bà H yên tâm, cho bà S vay ké.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, bà H và bà S thực hiện độc lập đối với các khoản vay, giữa hai bên không có sự ràng buộc hay chịu trách nhiệm về các khoản vay của nhau. Bà S định kỳ hàng tháng, 18 lần kể từ khi phát S khoản lãi vay đầu tiên đã đều đặn đến Ngân hàng trả tiền gốc và tiền lãi vào tài khoản vay do bà H cho vay ké.

Đến cuối năm 2012, khi cần pH đáo hạn hợp đồng để thanh lý hợp đồng cũ, lập hợp đồng vay mới thì bà S không có tiền để trả cho Ngân hàng. Cán bộ

Ngân hàng đã đến tìm bà S tại nhà và tại cơ quan nhiều lần nhưng bà S không trả tiền cho Ngân hàng. Từ đó giữa các bên phát S tranh chấp.

Nay Ngân hàng yêu cầu bà H PH chịu trách nhiệm thanh toán toàn bộ tiền gốc và tiền lãi đối với cả hai khoản vay, bà H không nhất trí. Bà H chỉ chấp nhận thanh toán số tiền nợ gốc là 1.000.000.000 đồng và tiền lãi phát S trong hạn đến tháng 03/2013. Đối với số tiền 1.000.000.000 đồng bà S vay kè, bà H yêu cầu Ngân hàng PH đòi nợ từ ông H, bà S, bà H không chịu trách nhiệm đối với số tiền này.

** Theo Bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan—ông Ngô Anh Q trình bày:*

Ông Q là đồng sở hữu tài sản là quyền sử dụng nhà và đất tại Tổ 7, Tô Hiệu với bà H. Việc bà H ký kết các khoản vay với Ngân hàng, ông Q không được biết, không được ký và không tham gia bất kỳ giao dịch vay tiền nào.

Nay Ngân hàng đề nghị phát mại là tài chung của ông Q và bà H, ông Q không nhất trí. Ông Q yêu cầu tuyên bố Hợp đồng thế chấp số 50/HĐ là vô hiệu, và yêu cầu Ngân hàng PH hoàn trả lại cho ông GCNQSDĐ số AA302269 do UBND thị xã Sơn La cấp ngày 31/12/2014 mang tên bà Nguyễn Thị Thu H.

** Theo Bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Hà Thị S, ông Hà Văn H trình bày:*

Bà S và bà H có mối quan hệ quen biết thông qua con trai bà S là anh Hà Ngọc Hưng. Tháng 09/2011, bà H hỏi vay của bà S số tiền lớn để mở cửa hàng bán Sắt, bà S không đồng ý. Bà H có ý muốn mượn GCNQSDĐ của nhà bà S để vay Ngân hàng. Nhưng hiện GCNQSDĐ bà S đang cho em gái vay tiền ở Quỹ tín dụng phường Quyết Tâm. Hôm sau, bà H mang 150.000.000 đồng đến và nói muốn giúp đỡ bà S.

Bà S cầm 150.000.000 đồng ra quỹ tín dụng và trực tiếp rút GCNQSDĐ về. Bà H nói muốn mượn bìa đỏ của bà S để mang ra Sở Tài nguyên và Môi trường để thẩm định trước, sau đó sẽ hỏi ý kiến của ông H chồng bà S sau. Do tin tưởng nên bà S đã không viết giấy tờ gì mà đưa cho bà H bìa đỏ của nhà bà S.

Tháng 02/2013 bà H nhiều lần đến nơi bà S làm việc, lần cuối cùng bà H đi cùng một cán bộ Ngân hàng và ép bà S ký vào giấy tờ với nội Dng vay số tiền 1 tỷ đồng tại Ngân hàng để đi buôn ngô thì mới lấy được bìa đỏ ra. Lúc này, bà S với biết bìa đỏ của nhà bà đang bị thế chấp tại Ngân hàng.

Quá trình bìa đỏ bị thế chấp tại Ngân hàng, bà S không nói cho ông H biết và ông H cũng không được ký vào bất kỳ giấy tờ nào tại Ngân hàng.

Trong khoảng thời gian năm 2011, em gái bà S là bà Hà Thị SM có vay của bà H số tiền 500.000.000 đồng với lãi suất 3.5%/1 tháng. Số tiền này, hàng tháng bà SM nhờ bà S hàng tháng trả vào tài khoản vay của bà H mà không trả trực tiếp do bà H thường xuyên không có nhà.

Vì bà S không biết và không được vay số tiền 1.000.000.000 đồng tại Ngân hàng, nên bà S không nhất trí trả số tiền gốc 1 tỷ đồng và lãi cho Ngân hàng. Bìa đỏ của ông H, bà S được bảo lãnh tại Ngân hàng, ông H và bà S không hề biết, cũng không được ký vào hợp đồng thế chấp hay tín dụng tại Ngân hàng. Do vậy, ông H và bà S đề nghị tuyên bố các hợp đồng thế chấp và tín dụng liên quan đến bìa đỏ của ông bà là vô hiệu. Yêu cầu Ngân hàng pH trả lại GCQSĐĐ số C572320 do UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 11/01/1995 mang tên Hà Văn H cho vợ chồng ông H, bà S.

** Theo Bản tự khai, và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án – Người có quyền, nghĩa vụ liên quan – Phòng Công chứng số 1 tỉnh Sơn La trình bày:*

Ông Lò Văn Ngư là công chứng viên của Phòng Công chứng số 1 tỉnh Sơn La đã trực tiếp công chứng Hợp đồng thế chấp số 50/HĐ ngày 04/6/2010 và Hợp đồng thế chấp số 01/HĐ ngày 05/9/2011.

Quá trình thực hiện công chứng, Công chứng viên đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế tại địa phương. Khi các bên mang hồ sơ đề nghị công chứng, đều đã đầy đủ giấy tờ theo quy định, chữ ký, con dấu xác nhận tại hồ sơ đã đầy đủ nên Công chứng viên đã tiến hành công chứng theo quy định.

** Theo Bản tự khai, bà Hà Thị SM trình bày:*

Bà H và bà SM quen biết nhau từ hồi còn đi học. Từ năm 2009, bà SM có vay tiền của bà H nhiều lần, số tiền không lớn nên bà SM đều trả đầy đủ bằng tiền mặt. Đến năm 2010, bà SM vay của bà H số tiền 500.000.000 đồng. Bà SM trả lãi và gốc cho bà H một thời gian thì chuyển về huyện Bắc Yên S sống. Do ở xa nên bà SM đã nhờ chị gái là bà S chuyển tiền vào tài khoản Ngân hàng của bà H để trả dần số tiền đã vay.

Đến tháng 08/2012, bà SM đã trả hết số tiền gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi cho bà H. Bà SM đã trả tiền vay vào tài khoản của bà H gồm cả gốc và lãi số tiền vay 500 triệu đồng, tiền vay nóng, tiền trả hộ cho bà S, nhưng bà SM không nhớ cụ thể từng khoản. Do vậy, bà SM đã trả xong hết các khoản vay với bà H và không còn liên quan.

** Theo bản tự khai, ông Hoàng VA trình bày:*

Thời điểm phát S giao dịch, ông Hoàng VA là cán bộ quản lý khách hàng Nguyễn Thị Thu H theo sự phân công của lãnh đạo. Sau khi nhận được hồ sơ đề nghị tăng hạn mức tín dụng, ông Hoàng VA đã đề nghị bà H bổ sung thêm 01 bìa đỏ mang tên ông Hà Văn H.

Ngày 30/8/2011, ông Hoàng VA và bà H cùng đến nhà bà S để thực hiện thẩm định tài sản theo quy định, nhưng ông H không có nhà. Ông Hoàng VA đã trực tiếp trao đổi, giải thích rõ trách nhiệm của ông H và bà S đối với việc sử dụng tài sản để đảm bảo khoản vay cho bà H. Bà S đồng ý và đề nghị được bàn bạc

với ông H. Quá trình thực hiện thủ tục, bà S đã cung cấp đầy đủ các giấy tờ cần thiết cho Ngân hàng và trực tiếp đăng ký thế chấp tại phòng Công chứng.

** Theo Bản tự khai, anh Hà Ngọc Hưng, anh Hà Nam Tuấn trình bày: Anh Hưng và anh Tuấn không được biết và không ký vào các giao dịch thế chấp, bảo đảm khoản vay giữa ông H, bà S với Ngân hàng và bà H.*

**** Tại Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2013/KDTM-ST ngày 04/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố S đã quyết định:***

Căn cứ Điều 135, Điều 355, 369 Bộ luật dân sự khoản 2 Điều 27 pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 2.000.0000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 02/9/2013 là 203.534.445 và lãi phát S đến khi thi hành xong.

Nếu Bà Nguyễn Thu H không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP A, chi nhánh tỉnh Sơn la, được quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp gồm 01 nhà xây cấp IV, 03 tầng diện tích xây dựng 70m², diện tích sử dụng 80m² và quyền sử dụng đất thổ cư 70m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AA 302269 do UBND thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La cấp ngày 31/12/1995 mang tên mang tên Nguyễn Thị Thu H và đồng sở hữu ông Ngô Anh Q tại số nhà 109 tổ 7 phường CHg Lê, thành phố Sơn la, tỉnh Sơn la.

Phần tài sản của bà Hà Thị S trong khối tài sản gồm 01 nhà xây cấp IV, 02 tầng diện tích xây dựng 40m², diện tích sử dụng 80m² và quyền sử dụng đất thổ cư 100 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: C 572320 do UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 11/01/1995 mang tên Hà Văn H và đồng sở hữu bà Hà Thị S tại tổ 20 phường Quyết Thắng thành phố Sơn la, tỉnh Sơn la. (nay là số nhà 69, đường Lê Lợi tổ 15) phường Quyết Thắng thành phố Sơn la, tỉnh Sơn la.

Bác yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu H buộc bà Hà Thị S phải trả cho Ngân hàng TMCP A, chi nhánh tỉnh Sơn la số tiền Hợp đồng tín dụng hạn mức 01 là 1.000.000.000đ (một tỷ đồng)

Bác yêu cầu của Ngân hàng TMCP A, chi nhánh tỉnh Sơn la và bà Nguyễn Thị Thu H buộc ông Hà Văn H phải dùng tài sản của ông để thực hiện việc thế chấp, bảo lãnh cho Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01 ngày 10/10/2012.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự.

**** Tại Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 04/2014/KDTM-PT ngày 24/6/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La đã quyết định:*** Áp dụng khoản 2 Điều 275, 276 Bộ luật tố tụng dân sự. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2013/KDTM-ST ngày 04/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Áp dụng Điều 135, Điều 355, 369, 474 Bộ luật dân sự khoản 2 Điều 27 pháp lệnh án phí lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A, chi nhánh tỉnh Sơn la. số tiền gốc là 2.000.0000.000 đồng và số tiền lãi phát S tính đến ngày 02/9/2013 là 203.534.445 và lãi phát S (được tính theo Điều 2 của Hợp đồng tín dụng số 01/2012 giữa Ngân hàng TMCP A, chi nhánh tỉnh Sơn la và bà Nguyễn Thu H) tính đến ngày 02/9/2013 đến khi thi hành xong.

Nếu Bà Nguyễn Thu H không trả được nợ thì Ngân hàng TMCP A, chi nhánh tỉnh Sơn la, được quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp gồm 01 nhà xây cấp IV,03 tầng diện tích xây dựng 70m², diện tích sử dụng 80m² và quyền sử dụng đất thổ cư 70 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số:AA302269 do UBND thị xã Sơn La, tỉnh Sơn La cấp ngày 31/12/1995 mang tên mang tên Nguyễn Thị Thu H và đồng sở hữu ông Ngô Anh Q tại số nhà 109 tổ 7 phường C, thành phố Sơn la, tỉnh Sơn la.

Trong trường hợp sau khi xử lý tài sản bảo đảm trên không đủ để trả các khoản nợ của bà Nguyễn Thu H thì Ngân hàng TMCP A, chi nhánh tỉnh Sơn la, được quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp của bà Hà Thị S gồm 01 nhà xây cấp IV,02 tầng diện tích xây dựng 40m², diện tích sử dụng 80m² và quyền sử dụng đất thổ cư 100 m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số :C 572320 do UBND tỉnh Sơn La cấp ngày 11/01/1995 mang tên Hà Văn H và đồng sở hữu bà Hà Thị S tại tổ 20 phường Quyết Thắng (nay là tổ 15) thành phố Sơn la, tỉnh Sơn la.Ngân hàng được lấy $\frac{1}{2}$ (*một phần hai*) giá trị nhà và quyền sử dụng đất là tài sản thế chấp của bà Hà Thị S để thanh toán khoản nợ của bà Nguyễn Thu H tại Ngân hàng, giá trị $\frac{1}{2}$ (*một phần hai*) còn lại được trả lại cho chủ sở hữu là ông Hà Văn H.

Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thu H buộc bà Hà Thị S phải trả cho ngân hàng TMCP A, chi nhánh tỉnh Sơn la, số tiền nợ Hợp đồng tín dụng số tiền là 1.000.000.000đ (Một tỷ đồng).

Ngoài ra bản án phúc thẩm còn tuyên về án phí, và nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự.

****Tại Quyết định giám đốc thẩm số 47/2015/KDTM-GĐT ngày 29/5/2015 của Tòa án nhân dân Tối cao.***

Căn cứ khoản 2 Điều 291,khoản 3 Điều 297, 299 Bộ luật tố tụng dân sự 2004 (đã được sửa đổi bổ sung năm 2011).

Hủy bản án Tại Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm số 04/2013/KDTM-PT ngày 04/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La và bản án Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2013/KDTM-ST ngày 04/9/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn la.

Giao cho Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn la xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

**** Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2018/KDTM-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La đã quyết định:***

Áp dụng các Điều 121, 122, 123, 127, 128, 136, 137, khoản 3 Điều 219, Điều 471, 474, khoản 1 Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 27, khoản 3 Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình 2000; Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng 2010; khoản 4 Điều 161, khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tổ tụng dân sự 2015; Điều 27 của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 2.000.0000.000 đồng và số tiền lãi tính đến ngày 17/9/2018 là 2.266.988.611 đồng. Tổng số tiền gốc và lãi là 4.266.988.611 đồng.

2. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 50/2010/HĐ ngày 04/6/2010 vô hiệu. Buộc Ngân hàng phải trả lại cho bà H và ông Q GCNQSDĐ AA302269 mang tên Nguyễn Thị Thu H.

3. Tuyên bố hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐ ngày 05/9/2011 là hợp đồng vô hiệu. Buộc Ngân hàng pH trả lại cho bà S, ông H GCNQSDĐ số C572330 mang tên Hà Văn H.

4. Buộc Ngân hàng phải trả cho ông Q 5.000.000 đồng tiền chi phí giám định.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án cho các đương sự.

** Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 04/10/2018, Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đã có đơn kháng cáo với nội Dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm về quyết định buộc bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền gốc và lãi là 4.266.988.611 đồng. Do khoản vay của bà H và của bà S là hai khoản vay độc lập, không liên quan nên bà H không chấp nhận trả tiền gốc và lãi đối với khoản vay của bà S. Bà H chỉ chịu trách nhiệm đối với khoản vay 1 tỷ đồng và lãi phát S đến tháng 03/2013.*

Ngày 04/10/2018 Ngân hàng A có đơn kháng cáo với nội Dung: Không nhất trí với bản án sơ thẩm về phần tuyên bố hợp đồng vô hiệu và hoàn trả GCNQSDĐ số AA302269 cho ông Ngô Anh Q, bà Nguyễn Thị Thu H; tuyên trả GCQSĐĐ số C572320 cho ông Hà Văn H và bà Hà Thị S.

** Tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến tranh luận của các đương sự như sau:*

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội Dung kháng cáo: Buộc bà H pH trả cho Ngân hàng toàn bộ các khoản tiền gốc đã vay và lãi phát S. Trường hợp bà H không thực hiện được việc trả các khoản tiền vay, Ngân hàng sẽ xử lý các tài sản bảo đảm theo quy định.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H giữ nguyên nội Dung kháng cáo: Chấp nhận trả cho Ngân hàng số tiền vay gốc 1 tỷ đồng và lãi phát S đến tháng 03/2013. Không chấp nhận trả cho Ngân hàng 4.266.988.611 đồng. Yêu cầu tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu và hoàn trả cho ông Q GCNQSDĐ số AA302269.

- Người có quyền, nghĩa vụ liên quan ông H, bà S: Nhất trí như bản án sơ thẩm, tuyên bố hợp đồng thế chấp vô hiệu và hoàn trả cho ông H, bà S GCQSĐĐ số C572320.

* *Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa* : Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội Dung vụ án: Qua xem xét toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày và tranh luận của các đương sự tại phiên tòa; đề nghị Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 sửa án sơ thẩm buộcbà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh tỉnh Sơn la 1 tỷ tiền gốc và số lãi phát S tính và ông Hà Văn H và bà Hà thị S phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh tỉnh Sơn la 1 tỷ tiền gốc và số lãi phát S tính đến ngày xét xử sơ thẩm lần 2.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về những người tham gia tố tụng :

[1.1] *Về tư cách tham gia của bà Hà Thị SM* : Xem xét toàn bộ quá trình xác lập và thực hiện cáchợp đồng thế chấp, hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với bà H, ông H, bà S; bà SM không tham gia bất kỳ tư cách gì trong các giao dịch này. Bà SM có nộp tiền vào tài khoản vay của bà H 03 lần. Tuy nhiên, việc làm của bà SM không làm phát S quyền và nghĩa vụ của SM trong vụ án này. Lời khai của bà SM chỉ là nguồn thông tin để làm căn cứ so sánh, đối chiếu với lời khai của các đương sự, nhằm mục đích làm sáng tỏ nội Dung vụ án. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định bà SM là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không chính xác.

[1.2] *Về tư cách tham gia của anh Hà Ngọc H, anh Hà Nam T* : Trong Hợp đồng thế chấp số 01/2011/HĐ có chữ ký của anh Hưng và anh Tuấn. Tuy nhiên, tại Kết luận giám định số 37/KLGĐ-PC54 ngày 12/12/2016 đã xác định, chữ ký trong hợp đồng thế chấp không phải của anh H và anh T. Mặt khác, tài sản thế chấp được xác định là tài sản chung của vợ chồng ông H và bà S. Anh T và anh H chỉ tham gia với tư cách là thành viên trong gia đình, không có quyền thế chấp đối với tài sản thế chấp. Do vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh Hưng và anh Tuấn là người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là không chính xác.

[1.3] *Về tư cách tham gia của anh Hoàng VA* : Quá trình thực hiện trình tự, thủ tục đối với khoản tiền vay của bà H, anh Hoàng VA là người hoàn thiện thủ tục và trợ giúp khách hàng với tư cách là cán bộ của Ngân hàng, thực hiện công việc theo sự điều động và phân công của lãnh đạo Ngân hàng. Do vậy, quyền và nghĩa vụ phát S từ các giao dịch này là của Ngân hàng, không pH của cá nhân anh Hoàng VA. Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh Hoàng VA là người có quyền, nghĩa vụ liên quan là không chính xác. Lời khai của anh Hoàng VA

chỉ là nguồn thông tin để Tòa án thực hiện so sánh, đối chiếu với lời khai của các đương sự để tìm ra sự thật khách quan của vụ án.

[1.4] *Về tư cách tham gia của anh Ông Lò Văn N;* Công chứng viên Phòng Công chứng số 1, tỉnh Sơn La. Quá trình thực hiện trình tự, thủ tục công chứng chứng thực Hợp đồng thế chấp số 05/2010/HĐ và 01/2011/HĐ: là người có quyền, nghĩa vụ liên quan là không chính xác. Lời khai của Ông Lò Văn N chỉ là nguồn thông tin để Tòa án thực hiện so sánh, đối chiếu với lời khai của các đương sự để tìm ra sự thật khách quan của vụ án.

[1.5] *Về tư cách tham gia của-* Phòng Công chứng số 1, tỉnh Sơn La. Đại diện theo pháp luật: Bà Bé Thu H – chức vụ: Trưởng phòng là người có quyền, nghĩa vụ liên quan là không chính xác. Phòng Công chứng số 1 chỉ là cơ quan chứng thực các văn bản giao dịch dân sự và chịu trách nhiệm trước pháp luật và người yêu cầu công chứng, chưa phát quyền và nghĩa vụ khi chưa có khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại do hợp đồng 50/2010/HĐ, số 01/2011/HĐ bị vô hiệu.

[2] *Về nội Dung kháng cáo :*

[2.1] *Về tính pháp lý của các Hợp đồng thế chấp số 50/2010/HĐ, số 01/2011/HĐ:* Hợp đồng thế chấp số 50/2010/HĐ được thực hiện giữa bên thế chấp là bà Nguyễn Thị Thu H, ông Ngô Anh Q với bên nhận thế chấp là Ngân hàng A tỉnh Sơn La, tài sản thế chấp là quyền sử dụng nhà và đất tại tổ 7, phường C thể hiện trong GCQNSĐĐ số AA302269 là tài sản chung có giá trị lớn của vợ chồng ông Q, bà H tại thời điểm giao kết hợp đồng.

Hợp đồng thế chấp số 01/2011/HĐ được thực hiện giữa bên thế chấp là ông Hà Văn H, bà Hà Thị S với bên nhận thế chấp là Ngân hàng A tỉnh Sơn La và bên vay vốn là bà Nguyễn Thị Thu H, tài sản thế chấp là quyền sử dụng nhà và đất tại Tổ 15, phường Quyết Thắng thể hiện trong GCQSDĐ số C572320 là tài sản chung có giá trị lớn của vợ chồng ông H, bà S tại thời điểm giao kết hợp đồng.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, thì “*Việc xác lập, thực hiện và chấm dứt giao dịch dân sự liên quan đến tài sản chung có giá trị lớn hoặc là nguồn sống Dy nhất của gia đình, việc dùng tài sản chung để đầu tư kinh doanh phải được vợ chồng bàn bạc, thoả thuận*”. Điều 115 Luật Nhà ở năm 2005 quy định “*Việc thế chấp nhà ở thuộc sở hữu chung pH được sự đồng ý bằng văn bản của các chủ sở hữu nhà ở thuộc sở hữu chung*”. Điểm a khoản 1 Điều 130 của Luật Đất đai 2003 quy định về việc đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất được quy định như sau: “*Hồ sơ đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất gồm hợp đồng thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Hợp đồng thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất phải có chứng nhận của công chứng nhà nước*”. Như vậy, theo các quy định nêu trên, khi xác lập hợp đồng thế chấp quyền sử dụng nhà và đất là tài sản chung, vợ chồng phải cùng được bàn

bạc, thỏa thuận, nhất trí ký vào các văn bản thế chấp tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì mới bảo đảm giá trị pháp lý.

Căn cứ vào các kết luận giám định số 348a/C54-P5 ngày 10/11/2017, số 346/C54-P5 ngày 19/10/2016 của Viện Khoa học hình sự; số 48/KLGD ngày 06/01/2014, số 37/KLGD-PC54 ngày 12/12/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Sơn La và ý kiến trình bày của các đương sự, xác định tại thời điểm lập các hợp đồng thế chấp vay tín dụng tại Ngân hàng A – Chi nhánh tỉnh Sơn La, ông Ngô Anh Q, ông Hà Văn H không được tham gia ký kết vào các hợp đồng thế chấp tài sản, chữ ký của ông Q, ông H có trong các hợp đồng chỉ là giả mạo. Như vậy, thực chất hợp đồng thế chấp nhà và đất số 50/HĐ, 01/HĐ chỉ được lập giữa Ngân hàng với bà H, bà S; không có sự tham gia ký kết của các đồng sở hữu chung hợp nhất là ông Q và ông H. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Q, ông H giữ nguyên quan điểm không nhất trí đối với hợp đồng thế chấp mà bà H, bà S đã lập với Ngân hàng. Do đó, các Hợp đồng thế chấp số 50/HĐ và số 01/HĐ không có giá trị về mặt pháp lý và được xác định là hợp đồng vô hiệu.

Theo quy định tại Điều 137 Bộ luật Dân sự 2005, thì giao dịch dân sự vô hiệu không làm phát S, thay đổi, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của các bên kể từ thời điểm xác lập. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc Ngân hàng A pH trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H, ông Ngô Anh Q GCNQSDĐ số AA302269 và trả lại cho ông Hà Văn H, bà Hà Thị S GCNQSDĐ số C572320 là phù hợp với quy định của pháp luật. Xét thấy, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng đối với nội Dng này.

Xét về lỗi làm cho hợp đồng vô hiệu: Hợp đồng thế chấp số 01/HĐ và 50/HĐ được bà Nguyễn Thị Thu H, bà Hà Thị S ký trực tiếp tại Phòng công chứng số 1, tỉnh Sơn La; nhưng Đơn yêu cầu đăng ký thế chấp, Biên bản định giá tài sản thế chấp được xác lập, thực hiện và thẩm định bởi Ngân hàng cùng với bà H, bà S ngay tại Ngân hàng và tại nhà, đất của các ông bà H, Q (Tổ 7, phường CHg Lê, TP Sơn La, tỉnh Sơn La); tại nhà, đất của ông bà H, S (Tổ 15, phường Quyết Thắng, TP. Sơn La, tỉnh Sơn La). Khi xác lập các giao dịch nêu trên, Ngân hàng, Phòng công chứng số 1, bà H, bà S đều có khả năng nhận thức rõ, nhà và đất là tài sản chung của vợ chồng nên khi thế chấp pH được sự đồng thuận, nhất trí của đồng sở hữu; việc ông Q, ông H không được biết, không được tham gia giao dịch và giả mạo chữ ký là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố tình thực hiện. Do vậy Phòng công chứng số 1, bà Nguyễn Thị Thu H và bà Hà Thị S đều có lỗi làm cho hợp đồng thế chấp số 50/HĐ và số 01/HĐ bị vô hiệu.

Về giải quyết hậu quả pháp lý: Trong phạm vi vụ án này, Tòa án chỉ có thể xác định các hợp đồng thế chấp số 01/HĐ, 50/HĐ bị vô hiệu và lỗi của các bên, mà chưa thể giải quyết được hậu quả pháp lý do chưa có thiệt hại xảy ra trên thực tế. Trường hợp sau khi giải quyết vụ án, có phát S thiệt hại liên quan đến hợp đồng thế chấp tài sản bị vô hiệu thì các bên có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác để yêu cầu bồi thường thiệt hại.

[2.3] *Xác định nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi trong các hợp đồng tín dụng :*

Năm 2011, 2012, giữa Ngân hàng và bà Nguyễn Thị Thu H đã ký các Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2011/HĐ và số 01/2012/HĐ với hạn mức vay là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng). Việc sử dụng tiền vay từng lần do khách hàng đề nghị. Ngân hàng trên cơ sở hồ sơ đề nghị giải ngân của khách hàng, thực hiện thẩm định, xem xét, giải ngân theo quy định. Ngân hàng đã giải ngân cho bà Nguyễn Thị Thu H 03 lần; cụ thể:

Lần 1: Ngày 13/8/2012 với số tiền 900.000.000 đồng;

Lần 2: Ngày 17/12/2012 với số tiền 100.000.000 đồng;

Lần 3: Ngày 21/01/2013 với số tiền 1.000.000.000 đồng.

Toàn bộ nghĩa vụ trả nợ vay số tiền nêu trên được đảm bảo bằng quyền sử dụng nhà và đất theo GCNQSDĐ số AA302269 là tài sản chung của vợ chồng ông Ngô Anh Q, bà Nguyễn Thị Thu H và GCNQSDĐ số C572320 là tài sản chung của vợ chồng ông Hà Văn H, bà Hà Thị S theo các Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký số 50/HĐ và 01/HĐ giữa các bên.

Nguyên đơn - Ngân hàng A cho rằng, bà H pH chịu trách nhiệm đối với tổng số tiền gốc 2.000.000.000 đồng đã vay. Nhưng về phía Bị đơn - bà H xác định, bà chỉ chịu trách nhiệm đối với khoản vay 900.000.000 đồng giải ngân ngày 13/08/2012 và khoản vay 100.000.000 đồng giải ngân ngày 17/12/2012. Đối với khoản vay 1.000.000.000 đồng giải ngân ngày 21/01/2013, bà H xác định là khoản vay của bà S, do cá nhân bà H thỏa thuận để cho bà S vay kế vào khoản vay của bà H, vì vậy bà S pH chịu trách nhiệm đối với số tiền 1.000.000.000 đồng đã vay của Ngân hàng. Trên cơ sở những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và ý kiến trình bày của các bên đương sự; xét thấy, có căn cứ để xác định bà H chỉ pH chịu trách nhiệm với tổng số tiền vay 1.000.000.000 đồng, bà S pH chịu trách nhiệm đối với số tiền vay 1.000.000.000 đồng bởi những lý do sau:

Để bảo đảm cho khoản vay của H, Ngân hàng đã tiến hành xem xét, thẩm định giá đối với nhà và đất của ông Q, bà H theo quy định. Căn cứ vào các lần vay trước, khi bà H có yêu cầu tăng hạn mức vay, Ngân hàng đều tiến hành thẩm định giá bổ sung đối với tài sản của bà H. Tuy nhiên, vào năm 2011 khi tài khoản vay của bà H nâng hạn mức vay lên 2.000.000.000 đồng, Ngân hàng yêu cầu bà H pH bổ sung thêm tài sản thế chấp, bà H đã thế chấp thêm GCNQSDĐ số C572320 là tài sản chung của vợ chồng ông Hà Văn H, bà Hà Thị S. Ngân hàng đã tiến hành thẩm định giá đối với tài sản là nhà và đất của ông H, bà S để làm cơ sở giải ngân thêm số tiền vay 1 tỷ đồng.

Xét thấy, khoản vay 1 tỷ đồng giải ngân ngày 21/01/2013 được phát S và bảo đảm trên cơ sở nhà và đất của ông H, bà S thế chấp tại Ngân hàng; hồ sơ thẩm định giá tài sản thế chấp chỉ được thực hiện giữa bà S và Ngân hàng. Quá trình bổ sung thêm khoản vay 1 tỷ đồng tại Ngân hàng có bảo đảm bằng tài sản thế chấp của ông H, bà S, bà H chỉ thực hiện trách nhiệm của chủ tài khoản về việc ký giao tài sản vấpụ nhiệm chi, còn việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền gốc, lãi cho Ngân hàng và trách nhiệm thế chấp tài sản bảo đảm đều do bà S chịu trách nhiệm thực hiện. Như vậy, thỏa thuận bảo lãnh thế chấp của bên thứ

ba chỉ là giả cách, để nhằm che dấu giao dịch thực chất là thỏa thuận vay tín dụng 1 tỷ đồng giữa bà S và bà H.

Bà S cho rằng, không liên quan đến khoản vay 1 tỷ đồng nêu trên. Nhưng trong hồ sơ vụ án thể hiện, kể từ khi phát S lần trả tiền gốc và lãi đầu tiên đối với khoản vay 1 tỷ đồng vào năm 2011, bà S đã 18 lần đến Ngân hàng để nộp tiền vào tài khoản vay của bà H. Bà S khai là trả nợ hộ em gái là bà Hà Thị SM khoản vay 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, đối với khoản vay này, các bên đã thanh toán cho nhau vào ngày 09/4/2013, giữa bà H và bà SM không còn khoản vay nào khác. Số tiền bà S tự nguyện nộp vào tài khoản của bà H hoàn toàn phù hợp với tiền gốc và lãi phát S của khoản vay 1 tỷ đồng tại thời điểm đó. Do vậy, có cơ sở khẳng định bà S đã xác lập và thực hiện khoản vay 1 tỷ đồng với Ngân hàng, bà S đã thể hiện trách nhiệm thanh toán với Ngân hàng thông qua 18 lần nộp tiền vào tài khoản tiền gửi của bà H và cùng với các chứng từ bà H nộp tiền, đã thể hiện quá trình thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay 1 tỷ đồng trong tổng số tiền 2 tỷ đồng cho Ngân hàng của các bên là riêng biệt và hoàn toàn độc lập với nhau.

Mặt khác, qua lời khai và trình bày của các bên, xét thấy bà H vay tiền Ngân hàng là để kinh doanh phục vụ kinh tế của gia đình; giữa bà H và bà S không có mối quan hệ họ hàng thân thích hay có sự ràng buộc về kinh tế, nên không có căn cứ để cho rằng, bà S thế chấp tài sản có giá trị lớn của gia đình để bảo đảm 2 tỷ đồng tiền vay cho bà H mà không có sự ràng buộc nào là vô lý. Bà S cũng không chứng minh được việc mình bị bà H và Ngân hàng lừa dối, ép buộc thế chấp tài sản. Tại thời điểm xác lập giao dịch, quy định Ngân hàng Nhà nước không cho phép cá nhân, gia đình không phải hộ kinh doanh được vay số tiền lớn, nên việc bà S thông qua thủ tục vay của bà H để vay ké số tiền 1 tỷ đồng là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bà H và thực tế hộ gia đình bà S, ông H không pH là hộ kinh doanh. Bên cạnh đó, thông qua các văn bản của Ngân hàng trả lời đơn của ông Hà Văn H vào năm 2013, nội Dung đơn của ông H cũng thừa nhận việc bà S có vay tiền để buôn ngô, nhưng ông H không có liên quan nên không chấp nhận thanh toán tiền theo yêu cầu của Ngân hàng tại thời điểm đó. Ngân hàng cũng thừa nhận số tiền vay của bà S thông qua việc khi hợp đồng vay tín dụng đến hạn, Ngân hàng đã có công văn yêu cầu bà H và ông H pH có trách nhiệm thanh toán tiền cho Ngân hàng, cán bộ Ngân hàng cũng thừa nhận nhiều lần đến yêu cầu bà S thanh toán tiền nhưng không thành. Như vậy, thông qua việc đối chiếu lời khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ để khẳng định bà S, ông H pH chịu trách nhiệm đối với khoản vay 1 tỷ đồng tại Ngân hàng.

Ngân hàng cho rằng việc vay nợ 1 tỷ đồng giữa bà H và bà S là khoản vay cá nhân, Ngân hàng không được biết, không có liên quan và không pH chịu trách nhiệm, Ngân hàng chỉ biết bà H là người vay tiền nên chỉ yêu cầu bà H thanh toán là chính xác; bởi toàn bộ quá trình xác lập các giao dịch, lập hồ sơ chứng từ và bảo đảm cho các khoản vay tín dụng của bà H và bà S thành công, Ngân hàng luôn là bên chủ động và chịu trách nhiệm chính về trình tự, thủ tục cho vay. Do vậy, cần xác định trách nhiệm trả nợ tiền gốc và lãi của các bên đối với Ngân hàng như sau :

- Đối với bà H, tại thời điểm giải quyết vụ án, bà H và ông Q đã ly hôn, nhưng chưa giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Bà H đề nghị được thanh toán toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng mà không yêu cầu ông Q phải cùng chịu trách nhiệm. Quá trình giải quyết vụ án tại sơ thẩm lần đầu, bà H đã nêu ý kiến nhất trí thanh toán cho Ngân hàng gốc và lãi của số tiền vay 1 tỷ đồng nhưng không được chấp nhận. Xét thấy, đề nghị của bà H là tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, do đó cần chấp nhận và buộc bà H phải có trách nhiệm thanh toán tổng số tiền gốc 1.000.000.000 đồng (bao gồm 02 khoản vay 100.000.000 đồng và 900.000.000 đồng) và lãi phát S tính đến ngày 21/9/2018 là 1.194.277.500. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 2.194.277.500đ. Tổng số tiền bà H phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng là 2.194.277.500đ (*Hai tỷ một trăm chín mươi tư triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng*).

- Đối với bà S, mặc dù có vay với bà H số tiền 1 tỷ đồng rút từ Ngân hàng ra nhưng toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, bà S luôn phủ nhận và không nhất trí thanh toán cho Ngân hàng. Về phía ông H cho rằng không liên quan và không chịu trách nhiệm đối với khoản vay của bà S, tuy nhiên, tại thời điểm giải quyết vụ án, bà S và ông H vẫn đang là vợ chồng, khoản vay nợ tại Ngân hàng phát S trong thời kỳ hôn nhân của ông bà và không có căn cứ chứng minh đó là khoản vay nợ riêng của bà S. Do đó, ngoài số tiền gốc 1.000.000.000 đồng phải trả; bà S, ông H còn phải chịu lãi suất tính đến ngày xét xử sơ thẩm lần hai là 1.077.194.444 đồng. Tổng số tiền bà S và ông H phải trả cho Ngân hàng là 2.077.194.444 đồng (*Hai tỷ không trăm bảy bảy triệu một trăm chín bốn nghìn bốn trăm bốn bốn đồng*).

Từ những phân tích, nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy; có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng A, cần sửa bản án sơ thẩm theo hướng:

- Tuyên bố hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐ và 50/HĐ là hợp đồng vô hiệu; tách việc giải quyết hậu quả pháp lý của hợp đồng vô hiệu ra thành một vụ án khác khi có phát S yêu cầu.

- Tuyên buộc Ngân hàng PH hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Ngô QGCQSDĐ số AA302269; và trả cho ông H, bà S GCNQSDĐ số C572320.

- Tuyên buộc bà H phải trả cho Ngân hàng số tiền 2.194.277.500đ đồng (*Hai tỷ một trăm chín mươi tư triệu hai trăm bảy mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) và số tiền lãi phát S cho đến khi thi hành xong

- Tuyên buộc ông H, bà S phải trả cho Ngân hàng số tiền 2.077.194.444 đồng (*Hai tỷ không trăm bảy bảy triệu một trăm chín bốn nghìn bốn trăm bốn bốn đồng*). và số tiền lãi phát S cho đến khi thi hành xong.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] *Về án phí:*

- Ngân hàng A và bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

- Ngân hàng A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng

với phần yêu cầu không được Tòa án chấp nhận.

- Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương tự với phần yêu cầu Ngân hàng A được Tòa án chấp nhận.

- Bà Hà Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với với số tiền phải trả cho Ngân hàng A.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 4 Điều 26, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội; tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh tỉnh Sơn La, chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thu H; sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 08/2018/KDTM-ST ngày 21/9/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn la như sau:

1. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 50/2010/HĐ ngày 04/6/2010 vô hiệu. Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần A -Chi nhánh tỉnh Sơn La, phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Thu H và ông Ngô Anh Q GCNQSDĐ AA302269 mang tên Nguyễn Thị Thu H.

2. Tuyên bố hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2011/HĐ ngày 05/9/2011 là hợp đồng vô hiệu. Buộc Ngân hàng thương mại cổ phần A – Chi nhánh tỉnh Sơn La, phải trả lại cho bà Hà Thị S và ông Hà Văn H GCNQSDĐ số C572330 mang tên Hà Văn H.

3. Tuyên buộc bà H phải trả cho Ngân hàng A số tiền gốc là 1.000.000.000 đồng (*Một tỷ đồng*), và số tiền lãi là 1.194.277.500. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 2.194.278.000đ. (*Hai tỷ một trăm chín mươi tư triệu hai trăm bảy mươi tám nghìn đồng – đã làm tròn số*).

4. Tuyên buộc ông H, bà S phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A - Chi nhánh tỉnh Sơn La số tiền gốc là 1.000.000.000đ và số tiền lãi 1.077.194.444 đồng. Tổng cộng tiền gốc và lãi là 2.077.195.000 đồng (*Hai tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu một trăm chín mươi lăm nghìn đồng – đã làm tròn số*).

“Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành trả nợ thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu trả tiền lãi của số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả”.

*** Về án phí :**

Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh tỉnh Sơn La không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần A – chi nhánh tỉnh Sơn la, số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 36.000.000đ (*Ba mươi sáu triệu đồng*) theo biên lai số 0001212 ngày 25 tháng 6 năm 2018 và số tiền đã nộp 1.050.000đ (*Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai số : 003880 ngày 05 tháng 6 năm 2013 và

300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số :0001640 ngày 09 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn la.

Bà Nguyễn Thị Thu H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, nhưng phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 75.886.000đồng (Bảy mươi lăm triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn đồng - đã được làm tròn số), được khấu trừ vào số tiền đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số :0001583 ngày 24 tháng 8 năm 2018. Bà H còn phải nộp tiếp số tiền là 75.586.000đồng (Bảy mươi lăm triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.

Ông Hà Văn H và bà Hà thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 73.543.888đ (Bảy mươi ba triệu năm trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm tám mươi tám đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai số :0001246 ngày 24 tháng 7 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Sơn La, tỉnh Sơn la. Ông Hà Văn H và bà Hà thị S còn phải nộp tiếp là :73.344.000đ (Bảy mươi ba triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn đồng – đã làm tròn số).

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 22/03/2019).

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 26 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân thành phố S;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Các đương sự;
- Lưu: HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cầm Văn Thanh

M